

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST
Ngày: 14 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Quốc X, sinh năm 1987, tại: thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 17, khóm V, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hùng P (đã chết), và bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1960; vợ Trần Thị Thanh N (bị cáo cùng vụ án), có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt tạm giam từ ngày 26-8-2020 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Thị Thanh N, sinh năm 1986, tại: thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 12, khóm C, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang A, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; anh chị em có 02 người, bị cáo là người thứ hai; chồng Đỗ Quốc X (bị cáo cùng vụ án), có 03 con (sinh năm 2013, 2017 và 2020).

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú 45 ngày kể từ ngày 13/4/2012, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị T2, sinh năm 2000, nơi cư trú: tổ 05, khóm V, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Nguyễn Thị LI (Út LI), sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ 12, khóm C, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Lâm Thanh V, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ 02, khóm V2, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; có mặt.

4. Phan Thanh Sg (Đen), sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ 07, khóm V3, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 1992; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 05-4-2020, lực lượng phối hợp Công an thành phố X và Công an phường Châu Phú A, thành phố X, tỉnh An Giang trên đường tuần tra, đến đoạn đường số 8 khu dân cư khóm 8, phường Châu Phú A, thành phố X phát hiện Đỗ Quốc X đang đi trên xe mô tô nhãn hiệu Max, biển số 67B1-227.97 có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong túi xách da xám – trắng X đang mang trên người 01 gói giấy bạc, chứa tinh thể trắng; 01 thẻ cào Vinaphone BIG70, màu trắng – xanh, chứa tinh thể rắn trắng (nghi vấn ma túy). X khai ma túy đá của Trần Thị Thanh N (vợ của X) mua của người thanh niên tên Đức (không rõ lai lịch) để sử dụng, X tự ý lấy đem bán cho Nguyễn Thị T2 thì bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 gói giấy bạc, 01 thẻ cào Vinaphone BIG70 trắng-xanh, chứa tinh thể rắn trắng; 01 túi xách da xám – trắng; tiền X Nam 8.680.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Max, biển số 67B1-117.97; 03 điện thoại di động các nhãn hiệu SamSung, Meizu, Vellcom (đã bàn giao Cơ quan Thi hành án dân sự).

Căn cứ Kết luận giám định số: 77/KLGT-PC09 (MT) ngày 18-4-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang xác định: Mẫu M1, M2 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,4855 gam (không phải bốn tám năm năm gam).

Căn cứ Kết luận giám định số: 136/ KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 31-8-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang xác định: Tìm thấy dữ liệu Danh bạ điện thoại; Nhật ký cuộc gọi; Tin nhắn SMS, lưu trữ trong 01 điện thoại di động nhãn hiệu MEIZU có số IMEI 1: 863458044886238 và số IMEI 2: 863458044886246 (ký hiệu Á); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vell-com có số IMEI 1: 358287000091216 và số IMEI 2: 358287000236225 (ký hiệu A2) do cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo.

Ngày 05-8-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đỗ Quốc X về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ngày 18-9-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thị Thanh N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại Cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 13-4-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố các bị cáo Đỗ Quốc X về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Trần Thị Thanh N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Đỗ Quốc X thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát. Xác định túi xách màu xám, 02 điện thoại đi động mà Công an thu giữ là của N (vợ bị cáo), hai vợ chồng cùng sử dụng chung các điện thoại này và số tiền 8.680.000 đồng là của N mang theo để trả viện phí, bị cáo đề nghị trả lại tất cả tài sản trên cho N. Bị cáo xác định khi mượn xe mô tô hiệu Max của anh V chỉ nói là về nhà lấy đồ cho N, việc bị cáo sử dụng xe đi giao ma túy cho T2 thì anh V hoàn toàn không biết.

- Bị cáo Trần Thị Thanh N thừa nhận có mua ma túy sử dụng và để trong túi xách màu xám giao cho X giữ như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát; Xác định các tài sản mà X bị Công an thu giữ gồm 02 điện thoại, số tiền 8.680.000 đồng và túi xách màu xám là tài sản của cá nhân. Xác định 02 điện thoại là vợ chồng cùng sử dụng chung, X thường xuyên sử dụng điện thoại hiệu MEIZU, còn bị cáo N sử dụng điện thoại hiệu SAMSUNG. Nay bị cáo N có yêu cầu được nhận lại tất cả tài sản trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Thanh V trình bày: Xác định chiếc xe mô tô hiệu Max là tài sản thuộc sở hữu cá nhân để làm phương tiện mưu sinh hàng ngày. Khi cho X mượn xe mô tô hiệu Max chỉ biết là X mượn để về nhà lấy đồ cho N đang sinh tại bệnh viện, không biết việc bị cáo X sử dụng xe này để mua bán ma túy, khi mượn xe X có trả tiền thuê xe là 50.000 đồng. Ông V có yêu cầu được nhận lại chiếc xe hiệu Max để làm phương tiện sinh sống.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Đối với bị cáo Đỗ Quốc X: Theo cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đỗ Quốc X về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa qua quá trình xét hỏi, Viện kiểm sát rút lại một phần truy tố là phạm tội đối với 2 người trở lên được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 325 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị

cáo Đỗ Quốc X về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự theo nội dung cáo trạng.

Đối với bị cáo Trần Thị Thanh N: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự theo nội dung cáo trạng.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo X, N thuộc thành phần nhân dân lao động; các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Bị cáo X được hưởng thêm tình tiết “*Người phạm tội tự thú*” theo các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*” quy định tại điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị:

Về hình phạt chính:

Đối với bị cáo Đỗ Quốc X: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo X từ 07 năm đến 08 năm tù.

Đối với bị cáo Trần Thị Thanh N: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo N từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung:

- Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Quốc X từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Đối với bị cáo Trần Thị Thanh N: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp, hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy lượng ma túy bị thu giữ, 01 túi xách màu xám;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại hiệu MEIZU, 01 điện thoại SAMSUNG.

- Giao trả lại cho bị cáo N số tiền 8.680.000 đồng, điện thoại VELLCOM cho Sg và xe mô tô hiệu MAX cho Văn.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Đỗ Quốc X có trách nhiệm giao nộp số tiền thu lợi bất chính 4.000.000 đồng, sung vào ngân sách Nhà nước.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, và trong lời nói sau cùng bị cáo Việt xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt; bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Xét, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

** Về nội dung,*

[3] Hành vi phạm tội:

- Bị cáo Đỗ Quốc X khai nhận, khoảng 23 giờ ngày 05-4-2020, lực lượng phối hợp Công an thành phố X và Công an phường Châu Phú A, thành phố X, tỉnh An Giang trên đường tuần tra, đến đoạn đường số 8 khu dân cư khóm 8, phường Châu Phú A, thành phố X phát hiện Đỗ Quốc X đang đi trên xe mô tô nhãn hiệu Max, biển số 67B1-227.97 có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong túi xách da xám – trắng X đang mang trên người có 01 gói giấy bạc, chứa tinh thể trắng; 01 thẻ cào Vinaphone BIG70, màu trắng – xanh, chứa tinh thể rắn trắng (nghi vấn ma túy). X khai ma túy đá của Trần Thị Thanh N (vợ của X) mua của người thanh niên tên Đức (không rõ lai lịch) để sử dụng, X tự ý lấy đem bán cho Nguyễn Thị T2 thì bị bắt quả tang.

Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận trước đó có bán ma túy cho Nguyễn Thị T2 03 lần, Nguyễn Thị LI (Út LI) 07 lần và những người khác nhưng không nhớ bao nhiêu lần.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại biên bản ngày 19-01-2021 và ngày 22-01-2021 ở giai đoạn điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05-4-2020, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Thị LI về việc có mua ma túy của bị cáo X; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thanh Sg (Đen) về việc cho T2 mượn điện thoại liên lạc mua ma túy của X; phù hợp với lời

khai của người làm chứng Nguyễn Hoàng Ch về việc chứng kiến lực lượng Công an tại phường Châu Phú A kiểm tra và tạm giữ tang vật của X 01 gói giấy bạc, chứa tinh thể trắng; 01 thẻ cào Vinaphone BIG70, màu trắng – xanh, chứa tinh thể rắn trắng (nghi vấn ma túy). Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng đã thu giữ và kết luận giám định số 77/KLGT-PC09 (MT) ngày 18-4-2020 và Kết luận giám định số 136/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 31-8-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang.

Theo Kết luận giám định số 77/KLGD-PC09 (MT) ngày 18-4-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, tinh thể màu trắng có trong 01 gói giấy bạc; 01 thẻ cào Vinaphone BIG70, màu trắng – xanh của bị cáo được giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,4855gam.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định, bị cáo X là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ hai lần trở lên cho Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị LI với phương thức liên lạc qua điện thoại để giao ma túy và nhận tiền. Trong đó, 01 lần bị bắt quả tang vào ngày 05-4-2020, bị cáo X hẹn Nguyễn Thị T2 để bán ma túy thì bị phát hiện, bắt giữ với số lượng ma túy là Methamphetamine, tổng trọng lượng 0,4855gam. Hành vi của bị cáo X đã đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X rút một phần quyết định truy tố về tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, chỉ truy tố bị cáo X về hành vi “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là phù hợp nên được chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra trong thời gian dài, mua bán ma túy nhiều lần thể hiện tính nguy hiểm cao nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo khai nhận trước đây, bị cáo đã mua ma túy của Oanh 20 lần và phân ra bán lại mỗi lần thu lợi nhuận được 200.000 đồng/lần x 20 lần là 4.000.000 đồng. Xét, đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán ma túy nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền trên để sung quỹ nhà nước.

- Bị cáo Trần Thị Thanh N khai nhận, số lượng ma túy bị cáo X bị bắt giữ ngày 05-4-2020 là của bị cáo mua để sử dụng vào ngày 04-4-2020 của người thanh niên tên Đức (không rõ họ, địa chỉ cụ thể), bị cáo đã sử dụng một phần. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị cáo X xác định lượng ma túy bị cáo bị bắt giữ là của N để trong túi xách màu xám để sử dụng. Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo N đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,4855 gam. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng lớn đến công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy mà Nhà nước, xã hội đang ra sức thực hiện. Do đó, cần có hình phạt tương

xứng với hành vi phạt tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố các bị cáo và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo X đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, tự thú những lần mua bán ma túy trước đó, thuộc thành phần lao động, chưa có tiền án tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo N trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo mua ma túy tàng trữ để sử dụng thời điểm thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 04-4-2020 là trong thời gian bị cáo còn đang mang thai, thuộc thành phần lao động, chưa có tiền án tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo X có thu lợi từ hành vi bán ma túy nên áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo X theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Về mức phạt, do bị cáo đã bị buộc nộp tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy là 4.000.000 đồng nên áp dụng mức phạt tiền đối với bị cáo X là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Đối với bị cáo Trần Thị Thanh N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp, hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với lượng ma túy bị thu giữ của bị cáo X khi bị bắt quả tang là vật cấm lưu hành đã được niêm phong theo gói niêm phong vụ số: 77/KLGT-PC09(MT) ngày 18-4-2020 bên ngoài có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố X, các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng Khoa và Ôn Văn Thuận. Xét, tịch thu tiêu hủy lượng ma túy này theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu MEIZU bị cáo X khai của N nhưng bị cáo sử dụng để liên lạc với T2, LI và những người khác để bán ma túy và hẹn địa điểm giao nhận. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo N về việc bị cáo X có sử dụng chung điện thoại di động, phù hợp với lời khai của T2 và LI về việc liên lạc và số máy điện thoại này để mua ma túy của X. Điện thoại di

động hiệu MEIZU được bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy, xét tịch thu sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG bị cáo N khai nhận dùng điện thoại này để liên lạc mua ma túy của Đức. Đây là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, xét tịch thu sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) cái túi xách da màu xám có 03 (ba) ngăn kéo, hai dây màu nâu, có gắn chữ CG nền chữ GD kết nối nhau. Tại phiên tòa, bị cáo N xác định là tài sản của cá nhân dùng để cất giấu ma túy. Đây là vật bị cáo N dùng để cất giấu ma túy, không còn giá trị sử dụng. Xét, tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với điện thoại nhãn hiệu VELLCOM của Phan Thanh Sg (Đen) cho Nguyễn Thị T2 mượn. Khi Thanh mượn không nói với Sg (Đen) để mua ma túy, lời khai của Sg phù hợp với lời khai của T2 xác định khi mượn điện thoại của Sg không nói là liên lạc mua ma túy của X nên Sg không biết việc mượn điện thoại làm gì. Điện thoại di động nhãn hiệu VELLCOM thuộc sở hữu của Sg, xét giao trả lại cho Sg (Đen) 01 điện thoại nhãn hiệu VELLCOM theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu MAX, biển số 67B1 – 227.97, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Ngọc Hoa Đăng: Lâm Thanh V có lời khai xác định là chủ sở hữu xe mô tô biển số 67B1 – 227.97 được ông Trần Văn Bé Bảy cho, chưa làm thủ tục sang tên. Vào ngày 05-4-2020, tại bệnh viện đa khoa khu vực X, Văn cho bị cáo Đỗ Quốc X mượn xe để về nhà lấy đồ khi vợ X là N đang sinh con tại bệnh viện. Bị cáo X cũng xác định khi mượn xe không có nói với Văn là sử dụng xe để đi bán ma túy. Tại phiên tòa, Lâm Thanh V có yêu cầu được nhận lại chiếc xe không có yêu cầu khác. Xét, đây là tài sản thuộc sở hữu của Lâm Thanh V nên giao trả lại cho Lâm Thanh V 01 xe mô tô, nhãn hiệu MAX biển số 67B2 – 227.97 (giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Ngọc Hoa Đăng) theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với số tiền X Nam 8.680.000 đồng theo Ủy nhiệm chi số 03 ngày 18-01-2021, tại phiên tòa bị cáo X xác định số tiền này trong túi xách bị tạm giữ là của N mang theo để làm chi phí khi sinh con. Bị cáo N xác định số tiền mang theo để đóng viện phí nhưng chưa đóng thì X bị bắt và bị tạm giữ số tiền trên, nay xác định đây là tiền của cá nhân có yêu cầu được nhận lại. Xét, đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo N, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo X. Xét, giao trả lại cho bị cáo N số tiền trên theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09-10-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố X; Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 15-9-

2020 giữa Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X).

[7] Về các vấn đề khác:

Bị cáo N khai lượng ma túy mà bị cáo X bị bắt và công an thu giữ được bị cáo mua của 01 người thanh niên tên Đức ở S vào ngày 04/4/2020, nhưng bị cáo không cung cấp được họ, địa chỉ cụ thể của người này. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

Bị cáo X khai lượng ma túy bị cáo mua để bán lại cho T2, Út LI và những người khác trước đây là mua của 01 người tên Oanh nhưng bị cáo không cung cấp được họ, địa chỉ cụ thể của người này. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Đỗ Quốc X phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Đỗ Quốc X 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 26-8-2020 (*ngày hai mươi sáu, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền bị cáo Đỗ Quốc X: 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt: Trần Thị Thanh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) gói niêm phong vụ số: 77/KLGT-PC09(MT) ngày 18-4-2020 bên ngoài có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố X, các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng Khoa và Ôn Văn Thuận.

+ 01 (một) túi xách da màu xám có 03 (ba) ngăn kéo, hai dây màu nâu, có gắn chữ CG nền chữ GD kết nối nhau.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước :

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu MEIZU.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG.

- Giao trả cho bị cáo Trần Thị Thanh N: số tiền X Nam 8.680.000 (tám triệu, sáu trăm, tám mươi nghìn) đồng theo Ủy nhiệm chi số 03 ngày 18-01-2021.

- Giao trả cho Phan Thanh Sg (Đen) 01 (một) điện thoại di động hiệu Vellcom, màu đỏ.

- Giao trả cho Lâm Thanh V 01 xe mô tô, biển số 76B1-227.91 hiệu Max màu sơn trắng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18-01-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố X; Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định ngày 15-9-2020 giữa Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X).

- Buộc bị cáo Đỗ Quốc X nộp số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 (bốn triệu) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc bị cáo Đỗ Quốc X phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Trần Thị Thanh N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lâm Thanh V có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc